

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH
TÂN

TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HS-ST

Ngày: 19 - 9 - 2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Đức

Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Giang Hưng G, sinh ngày 01/01/1966 tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: tổ B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giang Hưng B (chết) và bà Lê Thị N (chết); chồng: Trần Văn T(chết) và con có tất cả 02 người (lớn sinh năm 1992 và nhỏ sinh năm 1997); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/6/2024 cho đến ngày 09/8/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Cháu Trần Thị Ngọc B1sinh năm 2008. Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn Q và bà Ngô Ngọc Kim C năm 1974. Cùng cư trú: Tổ B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Xin vắng mặt)

Người làm chứng: Cháu Trần Văn H năm 2011. Người đại diện hợp pháp: Anh Trần G1 H1sinh năm 1992. Cùng cư trú: Tổ B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giang Hưng G và T là hàng xóm. Do cần tiền mua xe cho cháu nội là Trần M H2 nên G thấy B1 thường đậu xe đạp điện hiệu X-BIKE G63 có gắn sẵn chìa khóa ở trước sân nhà nên nảy sinh ý định lấy trộm.

Chiều ngày 30/5/2024 G bàn với H2 lấy xe đạp điện của B1 vào đêm khuya, H2 đồng ý. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 31/5/2024 G kêu H2 thức dậy đi bộ qua lấy trộm xe đạp điện có gắn sẵn chìa khóa trên xe rồi dẫn bộ ra ngoài lộ. Khi nhìn thấy H2 lấy được xe đạp điện của B1 thì G chạy xe đạp điện theo sau và kêu H2 chạy đến Trung tâm y tế H6, tỉnh Vĩnh Long để gửi xe vài ngày rồi đến lấy đem bán. Sau khi gửi xe lấy trộm của B1 xong, H2 chạy xe đạp điện chở G về nhà.

Khi phát hiện mất xe, B1 nhờ chị Trần Thị L C1 đến Cơ quan công an trình báo sự việc. Đến ngày 01/6/2024 G bị Công an xã T mời về làm việc và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Đồng thời khai nhận nơi gửi xe để Cơ quan điều tra thu hồi.

Căn cứ vào bản kết luận số 09/KLĐGTS ngày 08/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: *01 xe đạp điện nhãn hiệu X-BIKE G63 màu đen đỏ mà bị can Gái lấy trộm là: 4.000.000 đồng (BL 28-29).*

Qua điều tra, Giang Hưng G2 nhận hành vi lấy trộm tài sản của Trần Thị Ngọc B1 như đã nêu trên. Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 09/6/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Giang Hưng G và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra cho đến nay.

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã chứng minh được như sau: (BL: 16-17, 18-26, 28-29, 79-85.)

Đối với Trần Văn H ngày 30/10/2011 tại thời điểm thực hiện hành vi lấy trộm xe đạp điện cùng với G3 thì H1 12 tuổi 07 tháng, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không xử lý.

Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho Trần Thị Ngọc B1 xe đạp điện hiệu X-BIKE G63 màu đỏ đen và không có yêu cầu gì khác.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Thị N1 B1 yêu cầu G bồi thường chi phí sửa chữa xe đạp điện bị hư hỏng là 600.000 đồng, G4 bồi thường xong và không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 52/CT-VKSBT ngày 26/8/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị can Giang H2 G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Giang Hưng G về N2 Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo G từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bổ sung bị cáo từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị lưu hồ sơ 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình hồi cung bị cáo.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Anh H1trình bày: Anh là cha ruột của H, thường ngày H3 cùng bà ngoại vì anh đi làm xa do hoàn cảnh khó khăn.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì đã biết sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 02 giờ sáng ngày 31/5/2024 bị cáo rủ cháu nội là Trần Văn H4 Sngày 30/10/2011 lấy trộm xe đạp điện hiệu X- BIKE G63 của bị hại đậu phía trước nhà tại tổ B, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long vì trên xe có gắn sẵn chìa khóa. Sau khi lấy xong, bị cáo kêu Hchạy đến Trung tâm y tế huyện B vài ngày ở đó rồi mới đem đi bán lấy tiền mua xe mới cho HTheo kết luận định giá tài sản, giá trị 01 xe đạp điện nhãn hiệu X-BIKE G63 màu đen đỏ mà bị cáo lấy trộm là: 4.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm... ”.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trong bản cáo trạng số 52/CT-VKSBT ngày 26/8/2024 cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã rủ rê, lôi kéo cháu nội mình là H5 chưa đủ 13 tuổi cùng đi lấy xe đạp điện của bị hại. Hành vi này trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Chính vì vậy cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống đối với loại tội phạm này.

Xét tại thời điểm phạm tội, Trần Văn Hậu sinh ngày 30/10/2011 mới có 12 tuổi 07 tháng nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội với tình tiết xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại chi phí sửa xe là 600.000 đồng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa, xét bị cáo không có việc làm, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại B1 đã nhận lại xong 01 xe đạp điện hiệu X-BIKE G63 màu đỏ đen. Sau đó, yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa xe đạp điện bị hư hỏng là 600.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại xong 01 xe đạp điện hiệu X-BIKE G63 màu đỏ đen cho bị hại B1

- Lưu hồ sơ 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình hỏi cung bị cáo.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Giang H2 G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Giang H2 G09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày 19 tháng 9 năm 2024.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện B, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD đoạn ghi âm, ghi hình ảnh hồi cung bị cáo.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Bình Tân
- Công an H. Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG)
- Chi cục THADS huyện Bình Tân
- UBND xã Thành Trung
- Bị cáo và các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thanh Hùng